

**CPAVIETNAM**

Qualified Services  
with Global  
Understanding and Vision



Local Expertise  
International Presence

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Head Office in Hanoi: 8<sup>th</sup> floor, VG Building,  
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121  
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn  
www.cpvietnam.vn

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 29

11/21/2011 5:11 PM



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban điều hành Công ty cổ phần Khang Minh Group trình bày báo cáo này cùng Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Theo Giấy chứng nhận này:

Tên công ty:

- Viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Viết bằng tiếng nước ngoài: Khang Minh Group Joint Stock Company

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 là: 148.837.090.000 đồng (Bằng chữ: một trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Mệnh giá: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 14.883.709 (cp).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là GKM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: 78 người (tại ngày 31/12/2019 là 131 người)

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban điều hành công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Việt Lê  
Ông Lê Hoài An  
Ông Phạm Sĩ Giang  
Ông Nguyễn Văn Tiêm  
Ông Trần Hải Long

**Chức vụ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Hoài An  
Ông Phạm Sĩ Giang  
Ông Nguyễn Văn Tiêm

**Chức vụ**

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu  
Bà Đặng Thị Bắc  
Bà Nguyễn Thị Thu Trang

**Chức vụ**

Trưởng ban kiểm soát  
Thành viên ban kiểm soát  
Thành viên ban kiểm soát

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN**

Theo Nghị quyết số 01/NQ-KM/2021 ngày 18/01/2021 của Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Khang Minh Group quyết định những vấn đề sau:

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)**

- Thay đổi dự án sản xuất gạch không nung xi măng cốt liệu sang lĩnh vực sản xuất mới: sản xuất nhôm thanh định hình và các sản phẩm ứng dụng.
- Thành lập Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700847401 đăng ký lần đầu ngày 21/01/2021. Công ty CP Khang Minh Group sẽ góp 51% vốn điều lệ tại Công ty này.

Theo nhận định của Ban điều hành, ngoài sự kiện nêu trên không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

*Thay mặt Ban điều hành*



**Dặng Việt Lê**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2021*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group*

**Kính gửi :**        **Các cổ đông**  
                      **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**  
                      **Công ty Cổ phần Khang Minh Group**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/03/2021 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)****Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Nguyễn Tài Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1  
Giấy Ủy quyền số: 14/2021/UQ-CPA VIETNAM của  
Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc ngày 02/01/2021  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Trung Khánh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>153.617.232.105</b>	<b>131.943.378.998</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>8.905.901.630</b>	<b>8.686.375.054</b>
1. Tiền	111		8.905.901.630	8.686.375.054
<b>II. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>124.819.692.528</b>	<b>91.117.556.723</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	122.684.213.424	78.823.877.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.682.183.776	2.609.985.517
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.433.269.711	10.059.346.842
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(1.979.974.383)	(375.652.855)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>3.969.921.018</b>	<b>15.134.681.093</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.969.921.018	15.134.681.093
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.921.716.929</b>	<b>17.004.766.128</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	7.462.873	879.018.264
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	15.914.254.056	16.125.747.864
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125.401.114.032</b>	<b>138.505.050.515</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.387.364.101</b>	<b>26.857.328.202</b>
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>V.09</i>	<i>19.387.364.101</i>	<i>26.857.328.202</i>
- Nguyên giá	222		68.243.331.797	70.446.011.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.855.967.696)	(43.588.683.594)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>125.830.300</b>	<b>5.399.927.769</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	125.830.300	5.399.927.769
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>101.394.183.172</b>	<b>101.394.183.172</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		101.394.183.172	101.394.183.172
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.493.736.459</b>	<b>4.853.611.372</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	4.493.736.459	4.853.611.372
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>279.018.346.137</b>	<b>270.448.429.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105.995.091.180</b>	<b>103.352.817.930</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.492.447.419</b>	<b>98.159.644.533</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	45.042.674.696	40.134.727.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.033.515.882	1.656.702.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.637.724.979	3.852.241.848
4. Phải trả người lao động	314		1.113.740.501	1.244.221.108
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.144.286.055	1.587.276.445
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	50.520.505.306	49.684.475.170
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>502.643.761</b>	<b>5.193.173.397</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	502.643.761	5.193.173.397
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>173.023.254.957</b>	<b>167.095.611.583</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>173.023.254.957</b>	<b>167.095.611.583</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.837.090.000	148.837.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.706.059.091	8.706.059.091
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		15.480.105.866	9.552.462.492
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.552.462.492	3.476.135.561
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.927.643.374	6.076.326.931
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>279.018.346.137</b>	<b>270.448.429.513</b>

Người lập biểu

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Trần Thị Miên

Hà Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	130.175.496.420	140.497.683.960
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	25.663.650	20.629.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	130.149.832.770	140.477.054.760
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	108.776.486.436	119.849.020.034
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>21.373.346.334</b>	<b>20.628.034.726</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.075.659.353	640.028
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5.235.541.483	4.357.983.389
- Trong đó: Chi phí lãi vay			4.583.733.538	4.143.034.774
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	4.054.647.871	3.947.343.213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.122.254.810	3.422.689.808
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.036.561.523</b>	<b>8.900.658.344</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	657.181.818	1.013.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.08	2.040.531.504	2.232.063.578
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.383.349.686)</b>	<b>(1.219.063.578)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.653.211.837</b>	<b>7.681.594.766</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	725.568.463	1.605.267.835
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.927.643.374</b>	<b>6.076.326.931</b>

Hà Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Miên

Trần Thị Miên



Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	6.653.211.837	7.681.594.766
2 Điều chỉnh cho các khoản		11.308.699.553	11.546.234.913
- Khấu hao TSCĐ	02	7.196.135.667	7.297.973.198
- Các khoản dự phòng	03	1.604.321.528	105.866.969
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.075.491.180)	(640.028)
- Chi phí lãi vay	06	4.583.733.538	4.143.034.774
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn	08	17.961.911.390	19.227.829.679
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(33.019.472.345)	(27.391.274.709)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	11.164.760.075	(5.780.945.111)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	8.332.624.448	21.343.458.127
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.231.430.304	(2.163.903.152)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.583.733.538)	(4.143.034.774)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(1.806.218.272)	(1.552.399.627)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.480.986.989)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(718.697.938)</b>	<b>(3.941.256.556)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(53.683.636)	(1.444.770.046)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.846.407.650	1.114.300.000
3 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	750.000.000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		640.028
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>4.792.724.014</b>	<b>420.169.982</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	93.683.340.625	128.351.262.907
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.537.840.125)	(120.564.600.019)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(3.854.499.500)</b>	<b>7.786.662.888</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong kỳ</b>	50	<b>219.526.576</b>	<b>4.265.576.314</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.686.375.054	4.420.798.740
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.905.901.630	8.686.375.054

Hà Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Miên

Trần Thị Miên



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09-DN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp. Theo Giấy chứng nhận này:

Tên công ty:

- Viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Viết bằng tiếng nước ngoài: Khang Minh Group Joint Stock Company

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 là: 148.837.090.000 đồng (Bằng chữ: một trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Mệnh giá: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 14.883.709 (cp).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là GKM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: 78 người (tại ngày 31/12/2019 là 131 người)

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty trong năm là sản xuất gạch không nung các loại.

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

### II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

#### 1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung dựa trên máy tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

### 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào công ty con*

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con.

### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### *Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho*

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

#### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

#### *Phương pháp khấu hao*

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

### 6. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

#### *Phương pháp phân bổ chi phí trả trước*

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**9. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí lãi vay;
- Lãi chậm trả

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**18. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

### V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

#### 20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung cùng địa bàn. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	8.740.469.694	8.165.836.526
Tiền gửi ngân hàng	165.431.936	520.538.528
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.905.901.630</b>	<b>8.686.375.054</b>

**02. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Long Hải	216.841.941	3.098.626.945
Công ty Cổ phần Hà Đô 45	1.125.618.759	507.781.044
Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Delta	1.073.745.053	981.811.358
Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	6.418.247.119	11.615.485.151
Công ty TNHH Vật tư Và Xây dựng Hoàng Thành	19.006.245.945	2.360.402.896
Công ty CP Xây dựng Đất Việt Xanh	617.404.500	6.650.643.850
Công ty CP ĐT VLXD Khang Minh	19.397.599.900	2.571.861.894
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	18.197.104.642	381.724.937
Công ty TNHH Thương mại Hải Vương	19.545.031.173	-
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	3.047.132.000	3.040.000.000
Đối tượng khác	34.039.242.392	47.615.539.144
<b>Tổng cộng</b>	<b>122.684.213.424</b>	<b>78.823.877.219</b>

**03. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP vận tải Vijasun Hà Nam	610.547.675	1.610.547.675
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Tân Thịnh	473.612.501	473.612.501
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	28.171.559	-
Thu đối tượng khác	569.852.041	525.825.341
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.682.183.776</b>	<b>2.609.985.517</b>
Trong đó		
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>31/12/2020 VND</i>	<i>01/01/2020 VND</i>
<i>Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh</i>	<i>28.171.559</i>	<i>-</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.171.559</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****04. Phải thu khác**

Đơn vị: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	189.040.349	-	-	-
Phải thu khác	2.244.229.362	-	10.059.346.842	-
<i>Bà Cao Thị Thương</i>	-	-	7.471.000.000	-
<i>Ông Nguyễn Việt Hà</i>	-	-	1.979.000.000	-
<i>Bà Trần Thị Miên</i>	48.318.182	-	242.346.842	-
<i>Phải thu chuyển nhượng vốn tại Đá quý Khang Minh</i>	-	-	367.000.000	-
<i>Phải thu lợi nhuận của Conslab Thạch Anh</i>	2.075.491.180	-	-	-
<i>Đối tượng khác</i>	120.420.000	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.433.269.711</b>	<b>-</b>	<b>10.059.346.842</b>	<b>-</b>

**05. Hàng tồn kho**

Đơn vị: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.235.172.464	-	3.166.736.871	-
Thành phẩm	1.530.548.554	-	11.967.944.222	-
Hàng hóa	1.204.200.000	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.969.921.018</b>	<b>-</b>	<b>15.134.681.093</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****06. Nợ xấu**

Đơn vị: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá ghi sổ	Dự phòng	Giá ghi sổ	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Sơn Hải	-	-	94.315.520	94.315.520
Công ty TNHH TM và XD Kim Việt	-	-	40.584.600	40.584.600
Công ty CP công trình Long Hưng	-	-	70.882.306	70.882.306
Công ty CP đầu tư xây dựng CTC	71.412.000	71.412.000	71.412.000	71.412.000
Công ty CP đầu tư và xây dựng Cảnh Hưng Thịnh	334.624.640	167.312.320	-	-
Công ty CP thi công cơ giới và xây dựng Vinacomex	561.709.375	280.854.688	-	-
Công ty cổ phần TSQ Techco	1.734.293.272	867.146.636	-	-
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	748.189.344	272.761.349	-	-
Khách hàng khác	615.692.488	320.487.390	98.458.429	98.458.429
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.065.921.119</b>	<b>1.979.974.383</b>	<b>375.652.855</b>	<b>375.652.855</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****07. Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.462.873</b>	<b>879.018.264</b>
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	7.462.873	879.018.264
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.493.736.459</b>	<b>4.853.611.372</b>
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	1.242.188.736	1.480.509.240
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	708.217.749	766.452.742
Chi phí san lấp mặt bằng	2.543.329.974	2.606.649.390
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.501.199.332</b>	<b>5.732.629.636</b>

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình trạm nghiên đá	16.678.300	16.678.300
Xây dựng cơ bản dở dang	109.152.000	5.383.249.469
- Văn phòng làm việc	-	5.274.097.469
- Nhà kho	109.152.000	109.152.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.830.300</b>	<b>5.399.927.769</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

**09. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<i>Dư đầu năm</i>	<u>16.829.374.924</u>	<u>40.916.116.836</u>	<u>10.315.486.354</u>	<u>1.337.136.364</u>	<u>1.047.897.318</u>	<u>70.446.011.796</u>
<i>Tăng trong năm</i>	-	-	-	-	53.683.636	53.683.636
- Tăng khác	-	-	-	-	53.683.636	53.683.636
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	2.256.363.635	-	-	2.256.363.635
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.256.363.635	-	-	2.256.363.635
<i>Dư cuối năm</i>	<u>16.829.374.924</u>	<u>40.916.116.836</u>	<u>8.059.122.719</u>	<u>1.337.136.364</u>	<u>1.101.580.954</u>	<u>68.243.331.797</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Dư đầu năm</i>	<u>11.672.825.397</u>	<u>24.769.408.581</u>	<u>5.922.221.905</u>	<u>371.832.914</u>	<u>852.394.797</u>	<u>43.588.683.594</u>
<i>Tăng trong năm</i>	1.685.233.008	3.886.642.548	1.484.953.493	72.106.488	67.200.130	7.196.135.667
- Khấu hao trong năm	1.685.233.008	3.886.642.548	1.484.953.493	72.106.488	67.200.130	7.196.135.667
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	1.928.851.565	-	-	1.928.851.565
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.928.851.565	-	-	1.928.851.565
<i>Dư cuối năm</i>	<u>13.358.058.405</u>	<u>28.656.051.129</u>	<u>5.478.323.833</u>	<u>443.939.402</u>	<u>919.594.927</u>	<u>48.855.967.696</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<i>Đầu năm</i>	<u>5.156.549.527</u>	<u>16.146.708.255</u>	<u>4.393.264.449</u>	<u>965.303.450</u>	<u>195.502.521</u>	<u>26.857.328.202</u>
<i>Cuối năm</i>	<u>3.471.316.519</u>	<u>12.260.065.707</u>	<u>2.580.798.886</u>	<u>893.196.962</u>	<u>181.986.027</u>	<u>19.387.364.101</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 9.934.890.196 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 12.841.803.053 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 9.631.330.312 VND (tại ngày 31/12/2019 là 8.813.148.494 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị: VND

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>-</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Khang Minh</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>-</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>101.394.183.172</i>	<i>-</i>
<i>Conslab Thạch Anh (1)</i>						
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.394.183.172</b>	<b>101.394.183.172</b>	<b>-</b>	<b>101.394.183.172</b>	<b>101.394.183.172</b>	<b>-</b>

(1) Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh là Công ty TNHH một thành viên do Công ty CP Khang Minh Group nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Hoàng Thành	2.115.873.195	2.115.873.195	1.699.452.166	1.699.452.166
Công ty TNHH XD và phát triển TM Nguyễn Minh	2.860.542.444	2.860.542.444	1.006.929.732	1.006.929.732
Công ty CP Đoàn Minh Công	2.786.435.600	2.786.435.600	2.986.435.600	2.986.435.600
Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	8.388.501.060	8.388.501.060	5.474.906.115	5.474.906.115
Công ty CP vận tải và dịch vụ Khang Minh	1.569.193.918	1.569.193.918	2.044.727.685	2.044.727.685
Công ty CP Thương mại IDC Vạn Thành	1.475.963.798	1.475.963.798	1.113.433.798	1.113.433.798
Công ty CP Tài nguyên Đông Bắc	1.816.334.978	1.816.334.978	2.445.206.741	2.445.206.741
Công ty TNHH vận tải Trường Anh	7.299.135.640	7.299.135.640	4.693.906.760	4.693.906.760
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	-	-	1.026.708.441	1.026.708.441
Công ty TNHH Phương Lâm	9.848.781.787	9.848.781.787	7.810.187.687	7.810.187.687
Các đối tượng khác	6.881.912.276	6.881.912.276	9.832.832.677	9.832.832.677
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.042.674.696</b>	<b>45.042.674.696</b>	<b>40.134.727.402</b>	<b>40.134.727.402</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a. Phải thu**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<i>Đơn vị: VND</i> <u>Cuối năm</u>
Tiền thuê đất (*)	16.125.747.864		211.493.808	15.914.254.056
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.125.747.864</b>	<b>-</b>	<b>211.493.808</b>	<b>15.914.254.056</b>

(\*) Tiền thuê đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty CP Khang Minh Group đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

**b. Phải trả**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<i>Đơn vị: VND</i> <u>Cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.078.555.555	2.399.997.807	5.214.099.770	4.892.657.518
Thuế TNDN	1.605.267.835	1.806.218.272	725.568.463	524.618.026
Thuế TNCN	168.418.458	21.996.360	74.027.337	220.449.435
Các loại thuế khác	-	7.318.800	7.318.800	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.852.241.848</b>	<b>4.235.531.239</b>	<b>6.021.014.370</b>	<b>5.637.724.979</b>

**13. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>31/12/2020</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2020</u> <u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	838.257.552	706.799.713
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.284.755.046	859.203.275
Các khoản phải trả phải nộp khác	21.273.457	21.273.457
<i>Quỹ phòng chống thiên tai</i>	<i>21.273.457</i>	<i>21.273.457</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.144.286.055</b>	<b>1.587.276.445</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****14. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>50.520.505.306</b>	<b>50.520.505.306</b>	<b>93.683.340.625</b>	<b>92.847.310.489</b>	<b>49.684.475.170</b>	<b>49.684.475.170</b>
<b>Vay ngân hàng</b>						
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	47.520.505.306	47.520.505.306	87.683.340.625	86.847.310.489	46.684.475.170	46.684.475.170
Ngân hàng hợp tác (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>502.643.761</b>	<b>502.643.761</b>	<b>-</b>	<b>4.690.529.636</b>	<b>5.193.173.397</b>	<b>5.193.173.397</b>
<b>Vay ngân hàng</b>						
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	-	1.201.291.267	1.201.291.267	1.201.291.267
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	3.281.163.373	3.281.163.373	3.281.163.373
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN (3)	502.643.761	502.643.761	-	208.074.996	710.718.757	710.718.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.023.149.067</b>	<b>51.023.149.067</b>	<b>93.683.340.625</b>	<b>97.537.840.125</b>	<b>54.877.648.567</b>	<b>54.877.648.567</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

#### 14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 134/2019/HĐTD ngày 24/06/2019

- Hạn mức vay ngắn hạn: 51.663.000.000 VND
- Hạn mức vay trung dài hạn: 2.711.000.000 VND
- Lãi suất vay không cố định, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ
- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 04/06/2019
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Tài sản đảm bảo bao gồm:
  - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Nhà số 60, ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
  - + Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 6, tờ bản đồ 25, cụm CN mở rộng Tây Nam TP Phủ Lý, P. Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
  - + Một số khoản phải thu
  - + Một số máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của đơn vị

(2) Khoản vay theo các Hợp đồng vay cụ thể bao gồm

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất
0100000031746014	26/11/2020	637.000.000	6 tháng	7%
0100000031842014	27/11/2020	635.000.000	6 tháng	7%
0100000032006014	01/12/2020	580.000.000	6 tháng	7%
0100000032022014	01/12/2020	590.000.000	6 tháng	7%
0100000032007014	02/12/2020	558.000.000	6 tháng	7%

- + Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba
- + Mục đích vay: Vay tiền để thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

(3) Khoản vay bao gồm

- Hợp đồng tín dụng vay trung hạn số 814300004295 ngày 22/03/2018;
  - + Số tiền: 479.500.000 VND;
  - + Lãi suất bán cố định: 8,5%/năm;
  - + Thời hạn vay: 4 năm;
  - + Tài sản bảo đảm: Xe ô tô bán tải Pick Up cabin kép Ford Ranger XLS màu ghi xám biển số 29C-791.30.
- Hợp đồng tín dụng vay trung hạn số SHBVN/RMC/2019/HĐTD-1629 ngày 06/12/2019;
  - + Số tiền: 410.000.000 VND;
  - + Lãi suất bán cố định: 9,69 %/năm;
  - + Thời hạn vay: 5 năm;
  - + Tài sản bảo đảm: Xe ô tô tải Pick Up cabin kép Ford Ranger màu bạc biển số 51D-622.61

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****15. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	141.750.000.000	8.711.059.091	10.563.225.561	161.024.284.652
Tăng vốn trong năm trước	7.087.090.000			7.087.090.000
Lãi trong năm	-	-	6.076.326.931	6.076.326.931
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	-	(7.087.090.000)	(7.087.090.000)
Giảm khác	-	(5.000.000)	-	(5.000.000)
Số dư ngày 31/12/2019	148.837.090.000	8.706.059.091	9.552.462.492	167.095.611.583
Số dư ngày 01/01/2020	148.837.090.000	8.706.059.091	9.552.462.492	167.095.611.583
Lãi năm nay	-	-	5.927.643.374	5.927.643.374
Số dư ngày 31/12/2020	148.837.090.000	8.706.059.091	15.480.105.866	173.023.254.957

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Đối tượng	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ông Đặng Việt Lê	33.526.500.000	33.526.500.000
Ông Lê Hoài An	7.497.000.000	7.497.000.000
Các cổ đông khác	107.813.590.000	107.813.590.000
<b>Cộng</b>	<b>148.837.090.000</b>	<b>148.837.090.000</b>

*d) Các giao dịch về vốn*

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	148.837.090.000	141.750.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	7.087.090.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	148.837.090.000	148.837.090.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.087.090.000

*e) Cổ phiếu*

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.883.709	14.883.709
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.883.709	14.883.709
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.883.709	14.883.709
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	14.883.709	14.200.311
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa	32.065.587.490	13.956.365.133,00
Doanh thu bán thành phẩm	98.109.908.930	126.541.318.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.175.496.420</b>	<b>140.497.683.960</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>25.663.650</b>	<b>20.629.200</b>
- Chiết khấu thương mại	1.650.000	-
- Giảm giá hàng bán	-	14.978.400
- Hàng bán bị trả lại	24.013.650	5.650.800
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>130.149.832.770</b>	<b>140.477.054.760</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán hàng hóa	28.172.041.523	12.738.721.210
Giá vốn bán thành phẩm	80.604.444.913	107.110.298.824
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.776.486.436</b>	<b>119.849.020.034</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	168.173	640.028
Lợi nhuận được chia từ Công ty con	2.075.491.180	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.075.659.353</b>	<b>640.028</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	4.583.733.538	4.143.034.774
Lãi chậm trả nhà cung cấp	651.807.945	214.948.615
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.235.541.483</b>	<b>4.357.983.389</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)****05. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	530.841.176	223.908.322
Chi phí nhân công	2.348.804.018	2.677.874.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	112.692.742	92.635.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	996.313.675	768.735.743
Chi phí khác bằng tiền khác	65.996.260	184.189.454
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.054.647.871</b>	<b>3.947.343.213</b>

**06. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.502.271.894	1.732.999.478
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.385.667	103.797.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	296.854.524	138.944.491
Thuế, phí, lệ phí và các khoản dự phòng	1.614.640.328	324.679.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.496.644.016	879.305.299
Chi phí bằng tiền khác	165.458.381	242.963.145
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.122.254.810</b>	<b>3.422.689.808</b>

**07. Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thanh lý Tài sản cố định	657.181.818	1.013.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>657.181.818</b>	<b>1.013.000.000</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	327.512.070	1.887.319.168
Chi phí nhượng bán căn hộ D'capital TDH	1.108.108.214	-
Tiền phạt, chậm nộp thuế, BHXH	492.587.880	162.114.410
Chi phí khác	112.323.340	182.630.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.040.531.504</b>	<b>2.232.063.578</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)****09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập kế toán	6.653.211.837	7.681.594.766
Các khoản điều chỉnh	(1.470.579.960)	344.744.410
- Phạt hành chính, chậm nộp thuế, bảo hiểm	492.587.880	162.114.410
- Chi không được khấu trừ khác	112.323.340	182.630.000
- Thu nhập không chịu thuế	(2.075.491.180)	
Thu nhập chịu thuế	5.182.631.877	8.026.339.176
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.036.526.375</b>	<b>1.605.267.835</b>
Thuế TNDN được giảm theo quy định của NĐ 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	310.957.913	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>725.568.463</b>	<b>1.605.267.835</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	12.089.293.046	13.632.952.639
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.904.422.372	72.689.248.787
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	8.452.803.687	7.538.339.949
Thuế, phí và lệ phí	221.812.608	218.812.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.051.961.692	22.864.481.411
Chi phí khác bằng tiền	2.173.885.258	1.194.869.352
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.894.178.663</b>	<b>118.138.704.746</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09-DN

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan****a) Giao dịch với Bên liên quan**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh</b>		
Mua hàng/Trả tiền	1.204.200.000	11.465.977.891
Bán hàng/Thu tiền	-	440.000.000
Mượn tiền	-	600.000.000
Trả tiền mượn	-	6.645.730.550
Thu lợi nhuận từ công ty con	2.075.491.180	-

**Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác trong năm, bao gồm:**

***Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	421.156.035	344.715.880
Lê Hoài An	Phó chủ tịch HĐQT (giám đốc)	369.832.753	306.523.232
Phạm Sĩ Giang	Ủy viên HĐQT (Giám đốc)	242.677.200	223.345.713
Nguyễn Văn Tiêm	Ủy viên HĐQT (Giám đốc)	266.123.094	245.989.093

***Thù lao của thành viên Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Nguyễn Thị Thu	Trưởng ban KS	116.693.874	111.834.395
Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	125.950.800	108.669.000

***Tiền lương của TGD và người quản lý khác***

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng	283.810.804	229.438.153

**b) Số dư với Bên liên quan**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	-	1.026.708.441
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn	28.171.559	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	2.075.491.180	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nam, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Miên

Trần Thị Miên

Đặng Việt Lê